

Bài 7: Luật Thuế thu nhập cá nhân

GV Trần Quang Vũ

Nội dung bài học

1. Khái niệm thuế TNCCN
2. Thu nhập tính thuế
3. Thu nhập miễn thuế
4. Kỳ tính thuế
5. Tại sao lại đánh thuế TNCCN
6. Đặc điểm của thuế TNCCN
7. Nguyên tắc đánh thuế TNCCN

1. Khái niệm thuế TN CN

Giới thiệu chung

Thuế TNCN là sắc thuế **trực thu** đánh vào **thu nhập chịu thuế** của **cá nhân** trong **kỳ tính thuế**.

Thuế trực thu

Thu nhập chịu thuế

Cá nhân

Kỳ tính thuế



Thuế trực thu (Direct tax) là loại thuế thu trực tiếp vào khoản thu nhập, lợi ích thu được của các tổ chức kinh tế hoặc cá nhân. Thuế trực thu là loại thuế mà người, hoạt động, tài sản chịu thuế và nộp thuế là một.

Giới thiệu chung

Thuế TNCN là sắc thuế **trực thu** đánh vào **thu nhập chịu thuế** của **cá nhân** trong **kỳ tính thuế**.

Thuế trực thu



Tiền lương, tiền công



Kinh doanh

Cá nhân



Chuyển nhượng vốn



Trúng thưởng

Kỳ tính thuế

Giới thiệu chung

Thuế TNCN là sắc thuế **trực thu** đánh vào **thu nhập chịu thuế** của **cá nhân** trong **kỳ tính thuế**.

Thuế trực thu

Thu nhập chịu thuế

Cá nhân

Kỳ tính thuế



Cá nhân có thu nhập chịu thuế

Giới thiệu chung

Thuế TNCN là sắc thuế **trực thu** đánh vào **thu nhập chịu thuế** của **cá nhân** trong **kỳ tính thuế**.

Thuế trực thu

Thu nhập chịu thuế

Cá nhân

Kỳ tính thuế



Kỳ tính thuế
theo năm



Kỳ tính thuế theo
từng lần phát sinh

2. Thu nhập tính thuế

Thu nhập nào chịu thuế?

Thu nhập từ mọi nguồn

TN dưới mọi hình thức

Thu nhập hiện hữu

Thu nhập ròng



Tài sản



Sản xuất, kinh doanh



Lao động, đầu tư



Nguồn khác: trúng thưởng, quà tặng, thừa kế



Thu nhập nào chịu thuế?

Thu nhập từ mọi nguồn

TN dưới mọi hình thức

Thu nhập hiện hữu

Thu nhập ròng



Tiền



Hiện vật

Thu nhập nào chịu thuế?

Thu nhập từ mọi nguồn

TN dưới mọi hình thức

Thu nhập hiện hữu

Thu nhập rỗng



Thu nhập hiện tại, đảm bảo tính khả thi

Thu nhập nào chịu thuế?

Thu nhập từ mọi nguồn

TN dưới mọi hình thức

Thu nhập hiện hữu

Thu nhập ròng



Thu nhập
ròng

=

Giá bán
ra

—

Giá mua
vào

3. Thu nhập miễn thuế

Thu nhập nào được miễn thuế?

Một số khoản phúc lợi

Thu nhập đã nộp thuế

Khoản thu nhỏ, lật vặt

1 số h.động khuyến khích



Phụ cấp độc hại, nguy hiểm



Trợ cấp
Bảo hiểm xã hội

Thu nhập nào được miễn thuế?

Một số khoản phúc lợi

Thu nhập đã nộp thuế

Khoản thu nhỏ, lật vặt

1 số h.động khuyến khích



Tránh đánh thuế 2 lần
đánh thuế trùng lặp

Thu nhập nào được miễn thuế?

Một số khoản phúc lợi

Thu nhập đã nộp thuế

Khoản thu nhỏ, lật vặt

1 số h.động khuyến khích



Miễn thuế để đảm bảo hiệu quả
công tác thu thuế

Thu nhập nào được miễn thuế?

Một số khoản phúc lợi

Thu nhập đã nộp thuế

Khoản thu nhỏ, lật vặt

1 số h.động khuyến khích



Thu nhập từ
học bổng



**WESTERN
UNION**

MONEY TRANSFER

Thu nhập từ
kiều hối

4. Kỳ tính thuế

Kỳ tính thuế?

Có tính chất quy ước

Kỳ tính thuế thời gian

Theo từng lần p.sính TN

Kỳ tính thuế được quy định riêng đối với từng loại thu nhập



Kỳ tính thuế?

Có tính chất quy ước

Kỳ tính thuế thời gian

Theo từng lần p.sính TN

JANUARY	APRIL	JULY	OCTOBER
S M T W T F S 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31	S M T W T F S 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30	S M T W T F S 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31	S M T W T F S 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31
FEBRUARY	MAY	AUGUST	NOVEMBER
S M T W T F S 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28	S M T W T F S 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31	S M T W T F S 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31	S M T W T F S 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30
MARCH	JUNE	SEPTEMBER	DECEMBER
S M T W T F S 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31	S M T W T F S 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30	S M T W T F S 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30	S M T W T F S 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31

Kỳ tính thuế theo thời gian
thường là 1 năm (dương lịch)

Kỳ tính thuế?

Có tính chất quy ước

Kỳ tính thuế thời gian

Theo từng lần p.sinh TN



Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh
áp dụng đối với thu nhập không thường xuyên

5. Tại sao lại đánh thuế TNCN

Tại sao cần đánh thuế TNCN?

Đảm bảo nguồn thu NS

Đảm bảo công bằng dọc

Điều tiết nền kinh tế



Thuế suất
nhập khẩu



Thuế sử dụng
đất nông nghiệp



Thuế thu nhập
cá nhân

Tại sao cần đánh thuế TNCN?

Đảm bảo nguồn thu NS

Đảm bảo công bằng dọc

Điều tiết nền kinh tế



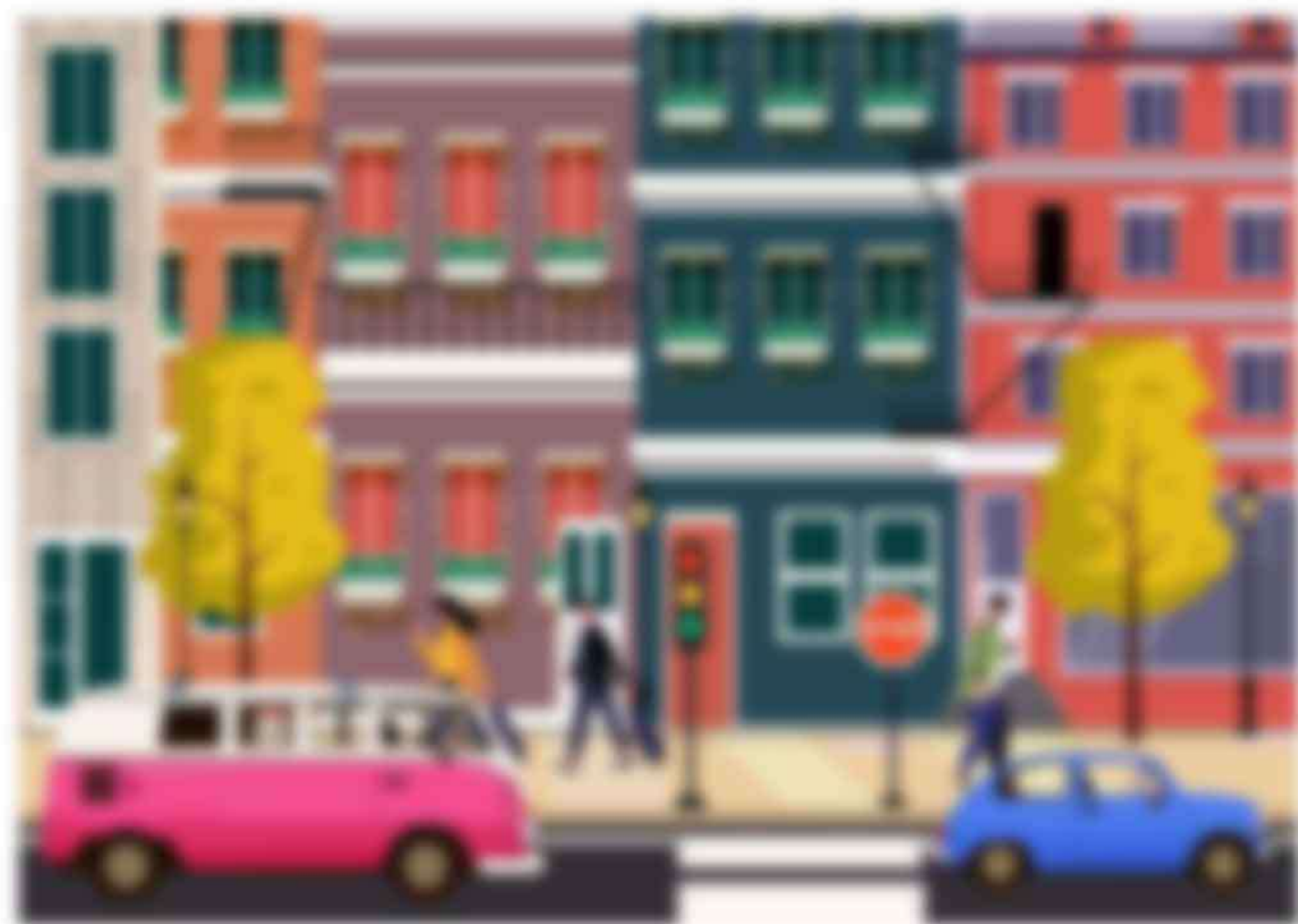
Công bằng dọc là một phương pháp đánh thuế thu nhập, trong đó các khoản thuế phải trả tăng theo số tiền thu nhập kiếm được.

Tại sao cần đánh thuế TNCN?

Đảm bảo nguồn thu NS

Đảm bảo công bằng dọc

Điều tiết nền kinh tế



Thuế thu nhập cá nhân giúp kích cầu đầu tư & khuyến khích tiêu dùng

6. Đặc điểm của thuế thu nhập cá nhân

Đặc điểm của thuế thu nhập cá nhân

Là thuế trực thu

Mang tính lũy tiến

Thuế đánh vào cá nhân

Mang tính nhạy cảm



Người nộp thuế cũng là người chịu thuế

Đặc điểm của thuế thu nhập cá nhân

Là thuế trực thu

Mang tính lũy tiến

Thuế đánh vào cá nhân

Mang tính nhạy cảm



Thuế lũy tiến tăng phần theo mức thu nhập chịu thuế

Mức biệt giữa lũy tiến tăng phần & lũy tiến toàn phần

Đặc điểm của thuế thu nhập cá nhân

Là thuế trực thu

Mang tính lũy tiến

Thuế đánh vào cá nhân

Mang tính nhạy cảm



Thuế thu nhập cá nhân chỉ đánh vào cá nhân chịu thuế

Đặc điểm của thuế thu nhập cá nhân

Là thuế trực thu

Mang tính lũy tiến

Thuế đánh vào cá nhân

Mang tính nhạy cảm



Thuế TNCN liên quan trực tiếp đến lợi ích của người nộp thuế

7. Nguyên tắc đánh thuế

Nguyên tắc đánh thuế thu nhập cá nhân

Nguyên tắc "cư trú"

Giám trừ gia cảnh

Đánh thuế lũy tiến

Quy ước thời gian xác định thu nhập chịu thuế



Cá nhân cư trú nộp thuế tại nước cư trú với mọi khoản ĐL tài toàn cầu



Cá nhân KHÔNG cư trú nộp thuế với phần ĐL phát sinh tại nước đó

Nguyên tắc đánh thuế thu nhập cá nhân

Nguyên tắc "cư trú"

Giảm trừ gia cảnh

Đánh thuế lũy tiến

Quy ước thời gian xác định thu nhập chịu thuế



Giảm trừ cho cá nhân nộp thuế



Giảm trừ cho người phụ thuộc

Nguyên tắc đánh thuế thu nhập cá nhân

Nguyên tắc "cư trú"

Giảm trừ gia cảnh

Đánh thuế lũy tiến

Quy ước thời gian xác định thu nhập chịu thuế



Thuế lũy tiến tăng phần theo mức thu nhập chịu thuế

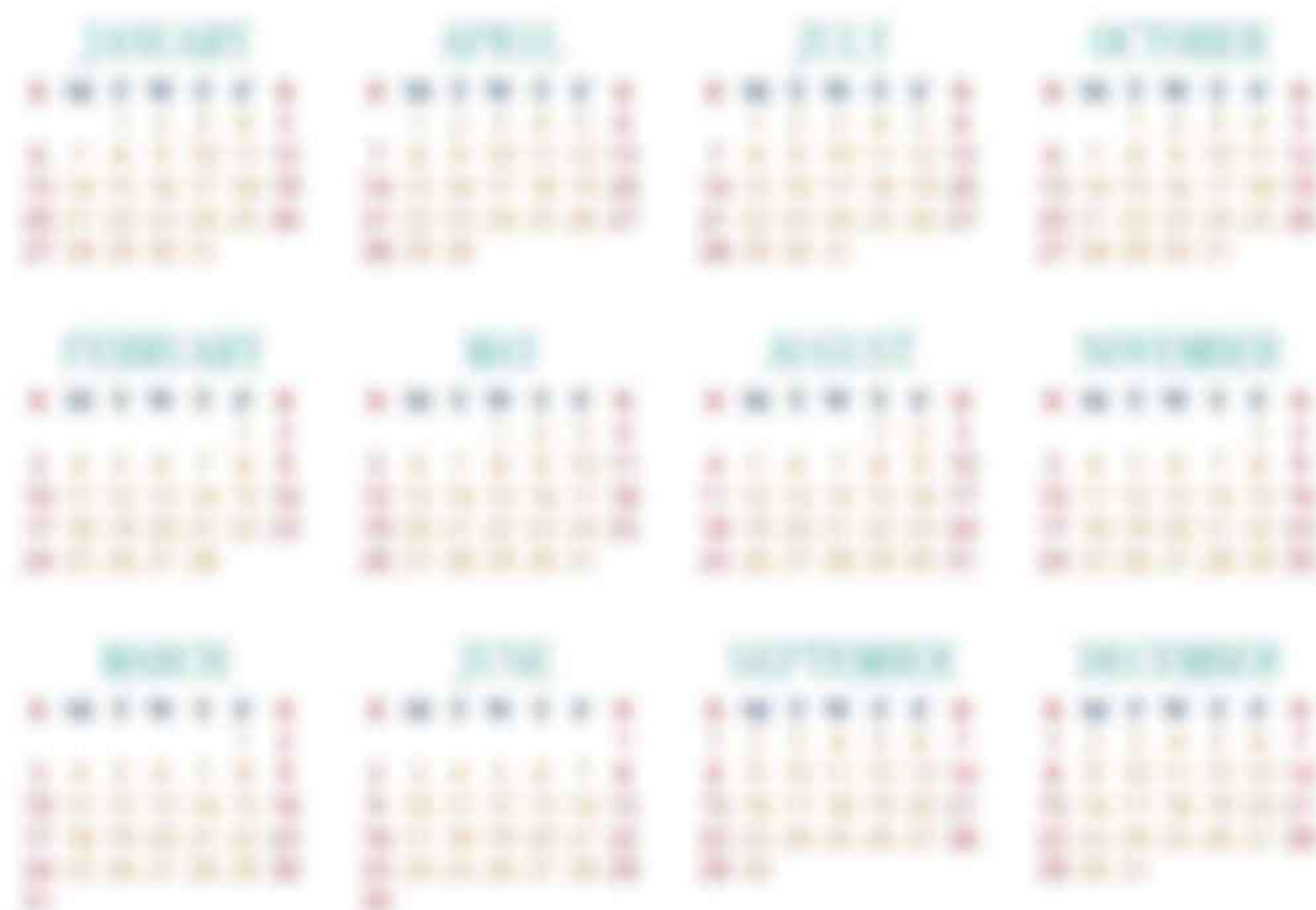
Nguyên tắc đánh thuế thu nhập cá nhân

Nguyên tắc "cư trú"

Giảm trừ gia cảnh

Đánh thuế lũy tiến

Quy ước thời gian xác định thu nhập chịu thuế



1 năm hay một số năm

8. Nội dung Luật thuế TNCN

Luật thuế thu nhập cá nhân

Chương 1: Quy định chung

Chương 2: Căn cứ tính thuế đv cá nhân cư trú

Chương 3: Căn cứ tính thuế đv cá nhân KHÔNG cư trú

Chương 4: Điều khoản thi hành

Luật thuế thu nhập cá nhân

Chương 1: Quy định chung

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Điều 2: Đối tượng nộp thuế

Điều 3: Thu nhập chịu thuế

Điều 4: Thu nhập được miễn thuế

Điều 5: Giám thuế

Điều 6. Quy đối thu nhập chịu thuế ra Đồng VN

Luật thuế thu nhập cá nhân

Chương 1: Quy định chung

Điều 7: Kỳ tính thuế

Điều 8: Quản lý thuế và hoàn thuế

Điều 9: Áp dụng điều ước quốc tế

Luật thuế thu nhập cá nhân

Chương 2: Căn cứ tính thuế đối với cá nhân cư trú

Mục 1: Xác định TN chịu thuế & TN tính thuế

Điều 10: Thu nhập chịu thuế từ kinh doanh

Điều 11. TN chịu thuế từ tiền lương, tiền công

Điều 12. Thu nhập chịu thuế từ đầu tư vốn

Điều 13. TN chịu thuế từ chuyển nhượng vốn

Điều 14. TN chịu thuế từ chuyển nhượng BĐS

Luật thuế thu nhập cá nhân

Chương 2: Căn cứ tính thuế đối với cá nhân cư trú

Mục 1: Xác định TN chịu thuế & TN tính thuế

Điều 15. Thu nhập chịu thuế từ trúng thưởng

Điều 16. Thu nhập chịu thuế từ bán quyền

Điều 17. TNCT từ nhượng quyền thương mại

Điều 18. TN chịu thuế từ thừa kế, quà tặng

Điều 19. Giảm trừ gia cảnh

Luật thuế thu nhập cá nhân

Chương 2: Căn cứ tính thuế đối với cá nhân cư trú

Mục 1: Xác định TN chịu thuế & TN tính thuế

Điều 20. Giảm trừ các khoản từ thiện, nhân đạo

Điều 21. Thu nhập tính thuế

Luật thuế thu nhập cá nhân

Chương 2: Căn cứ tính thuế đối với cá nhân cư trú

Mục 2: Biểu thuế

Điều 22. Biểu thuế lũy tiến từng phần

Điều 23. Biểu thuế toàn phần

Điều 24. Trách nhiệm của TC, CN trả thu nhập

Luật thuế thu nhập cá nhân

Chương 3: Căn cứ tính thuế đối với cá nhân KHÔNG cư trú

Điều 25. Thuế đối với thu nhập từ kinh doanh

Điều 26. Thuế đv TN từ tiền lương, tiền công

Điều 27. Thuế đối với thu nhập từ đầu tư vốn

Điều 28. Thuế đv TN từ chuyển nhượng vốn

Điều 29. Thuế đv TN từ chuyển nhượng BĐS

Điều 30. Thuế đối với thu nhập từ bán quyền

Luật thuế thu nhập cá nhân

Chương 3: Căn cứ tính thuế đối với cá nhân KHÔNG cư trú

Điều 31. Thuế đv TN từ trúng thưởng, thừa kế

Điều 32. Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế

Điều 33. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

Luật thuế thu nhập cá nhân

Chương 4: Điều khoản thi hành

Điều 34. Hiệu lực thi hành

Điều 35. Hướng dẫn thi hành

Điều 2: Đối tượng nộp thuế

Đối tượng nộp thuế

Đối tượng
nộp thuế

Cá nhân
cư trú

TN phát
sinh ở VN

TN ở nước
ngoài

Cá nhân
KHÔNG
cư trú

TN phát
sinh ở VN



Nơi ở đăng ký
thường trú

Có nhà thuê
để ở



Không đáp ứng
điều kiện cá nhân
cư trú

Điều 3: Thu nhập chịu thuế

Thu nhập chịu thuế

1. TN từ kinh doanh

2. TN từ tiền lương
tiền công

3. TN từ đầu tư vốn



Thu nhập từ hoạt động sản xuất,
kinh doanh hàng hóa, dịch vụ;



Thu nhập từ hoạt động hành nghề
độc lập của cá nhân có giấy phép

Thu nhập chịu thuế

1. TN từ kinh doanh

2. TN từ tiền lương
tiền công

3. TN từ đầu tư vốn



Tiền lương, tiền công và các khoản
có tính chất tiền lương, tiền công;



Các khoản phụ cấp, trợ cấp
TRỪ [...]

Thu nhập chịu thuế

1. TN từ kinh doanh

2. TN từ tiền lương
tiền công

3. TN từ đầu tư vốn

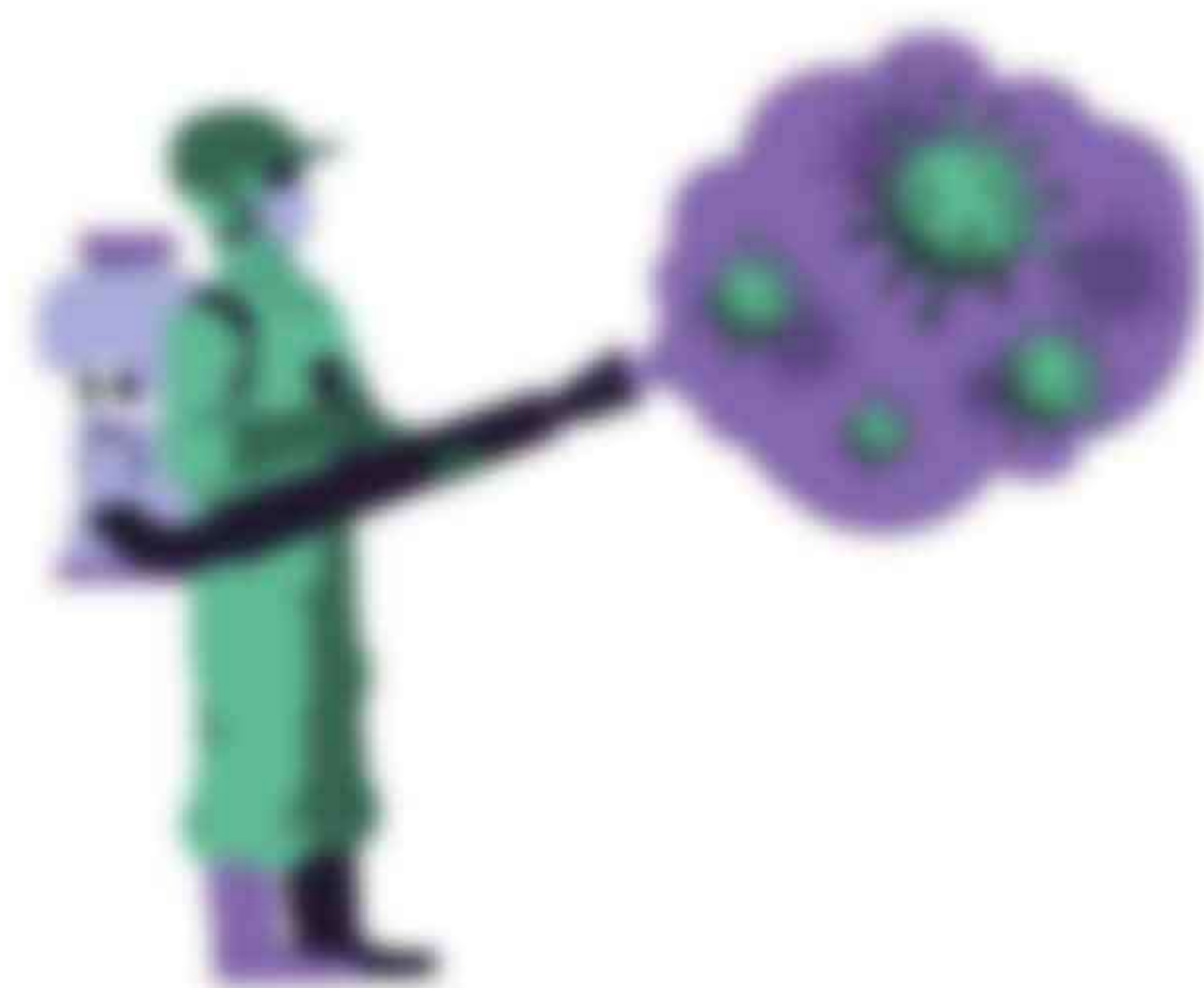
Các khoản phụ cấp **KHÔNG** phải nộp thuế



Ưu đãi người có công



Phụ cấp quốc phòng,
an ninh



Phụ cấp độc hại,
nguy hiểm

Thu nhập chịu thuế

1. TN từ kinh doanh

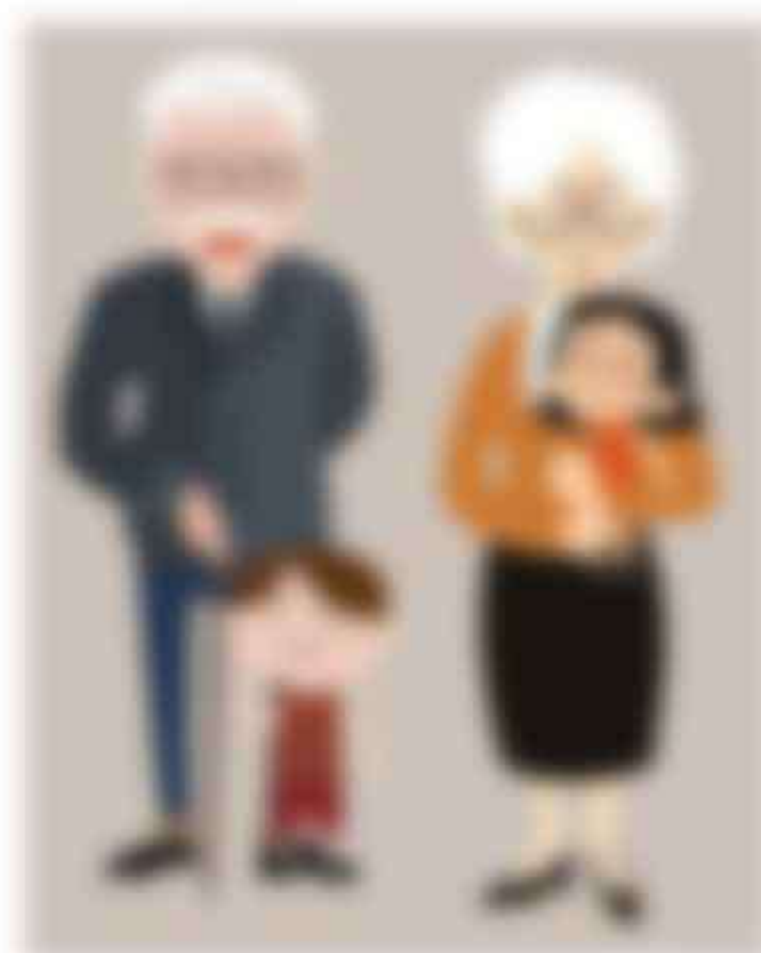
2. TN từ tiền lương tiền công

3. TN từ đầu tư vốn

Các khoản phụ cấp **KHÔNG** phải nộp thuế



Trợ cấp tai nạn lao động,
bệnh nghề nghiệp.



Trợ cấp hưu trí
một lần BHXH



Trợ cấp thôi việc,
trợ cấp mất việc

Thu nhập chịu thuế

1. TN từ kinh doanh

2. TN từ tiền lương
tiền công

3. TN từ đầu tư vốn



Tiền lãi cho vay



Lợi tức cổ phần



Thu nhập từ đầu tư vốn
dưới các hình thức khác,
trừ trái phiếu Chính phủ

Thu nhập chịu thuế

4. TN từ chuyển nhượng vốn

5. TN từ chuyển nhượng BĐS

6. TN từ trúng thưởng



TN từ chuyển nhượng
phần vốn trong các
tổ chức kinh tế;



TN từ chuyển nhượng
chứng khoán;



TN từ chuyển nhượng
vốn khác

Thu nhập chịu thuế

4. TN từ chuyển nhượng vốn



TN từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất

5. TN từ chuyển nhượng BĐS



TN từ chuyển nhượng quyền sở hữu hoặc sử dụng nhà ở;

6. TN từ trúng thưởng



TN từ chuyển nhượng quyền thuê đất, quyền thuê mặt nước

Thu nhập chịu thuế

4. TN từ chuyển nhượng vốn

5. TN từ chuyển nhượng BĐS

6. TN từ trúng thưởng



Trúng thưởng
số số



Trúng thưởng
khuyến mại;



Trúng thưởng
cá cược, casino



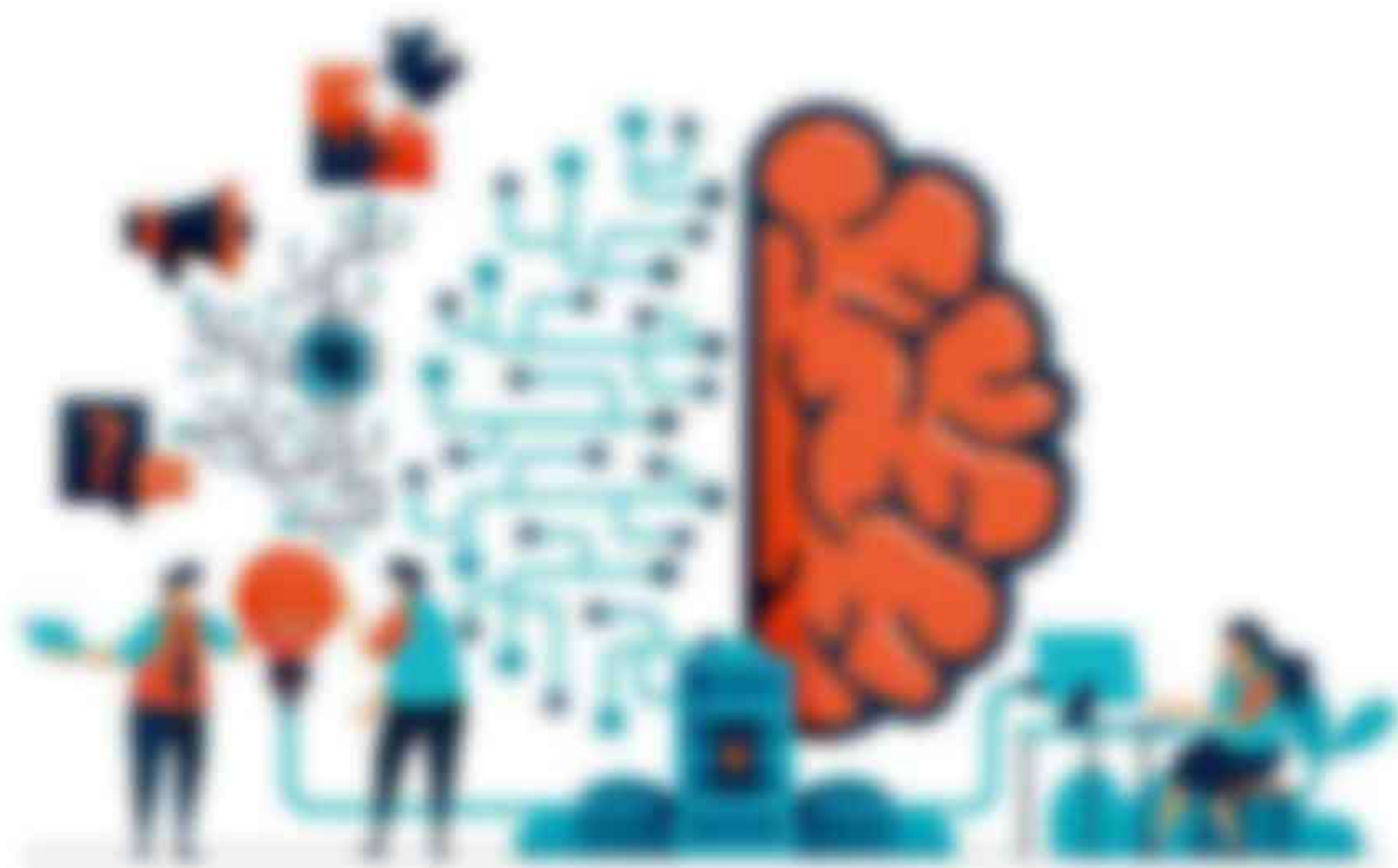
Trò chơi, cuộc
thi cờ thưởng

Thu nhập chịu thuế

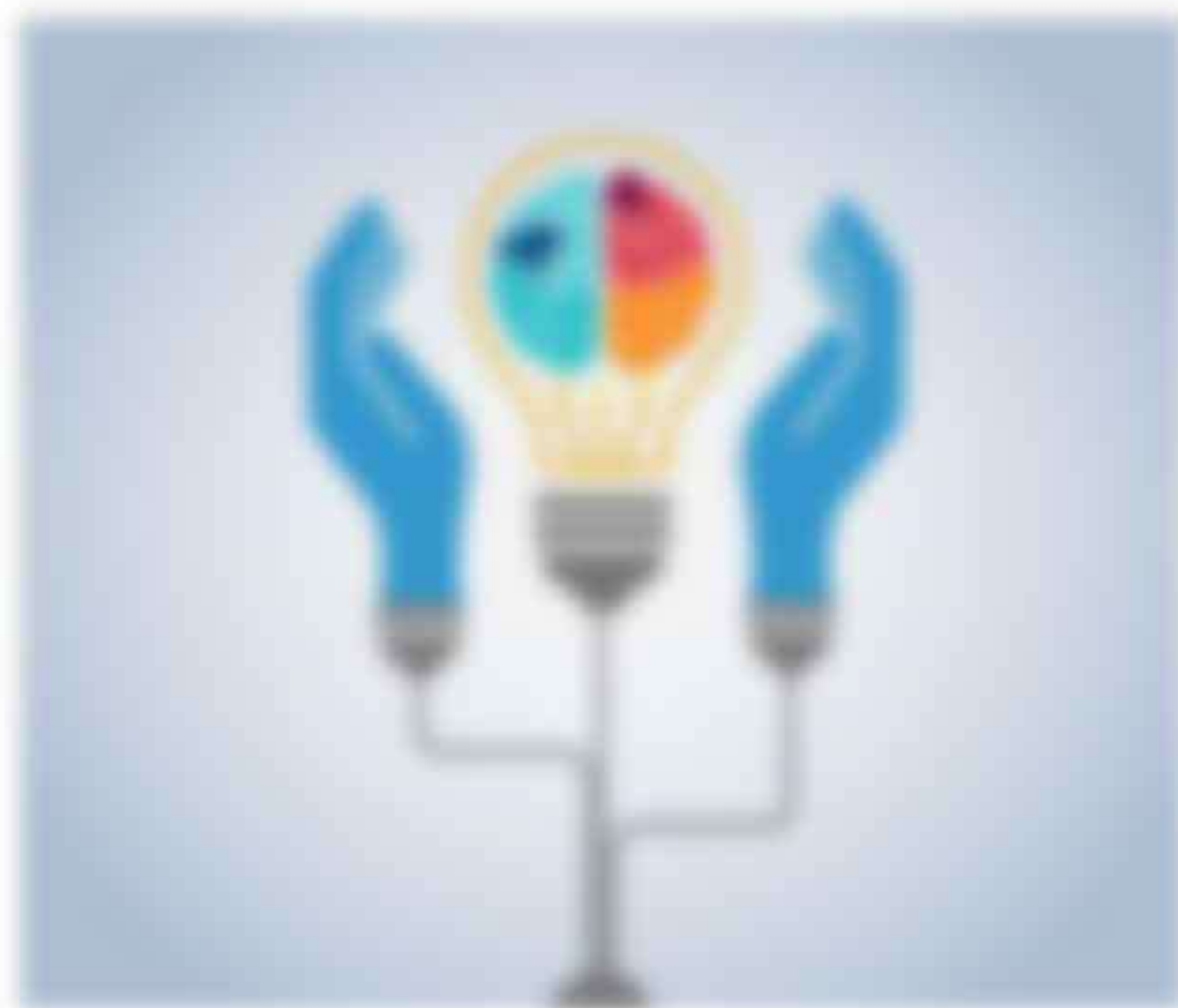
7. TN từ bán quyền

8. TN từ nhận thừa kế

9. TN từ quà tặng



Chuyển giao/chuyển quyền sử dụng các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ;



Thu nhập từ chuyển giao công nghệ

Thu nhập chịu thuế

7. TN từ bán quyền



Nhận thừa kế là
chứng khoán

8. TN từ nhận
thừa kế



Phần vốn trong các
tổ chức kinh tế, cơ sở KD

9. TN từ quà tặng



Bất động sản

Thu nhập chịu thuế

7. TN từ bán quyền

8. TN từ nhận thừa kế

9. TN từ quà tặng



Nhận thừa kế là
chứng khoán



Phần vốn trong các
tổ chức kinh tế, cơ sở KD



Bất động sản

**Điều 4: Thu nhập được miễn
chịu thuế**

Thu nhập **MIỄN** chịu thuế

1. Chuyển nhượng BĐS giữa thân nhân



Chuyển nhượng BĐS giữa:

Cha mẹ,
mẹ nuôi
với
con nuôi



Cha chồng,
mẹ chồng
với
con dâu



2. Chuyển nhượng BĐS chỉ có 1 nhà ở

Vợ
với
chồng



Cha đẻ,
mẹ đẻ
với
con đẻ



Thu nhập **MIỄN** chịu thuế

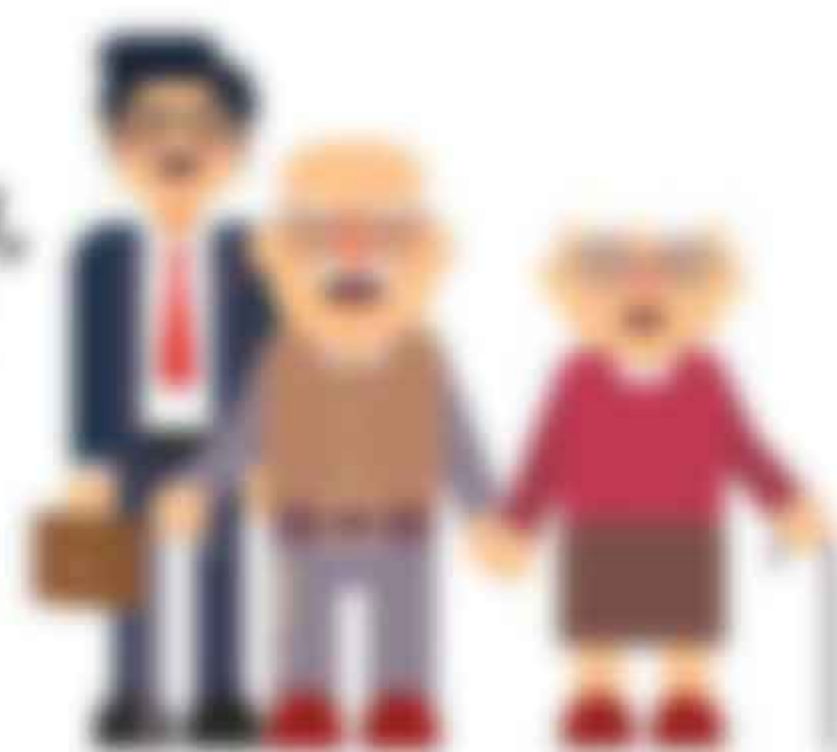
1. Chuyển nhượng BĐS giữa thân nhân



Chuyển nhượng BĐS giữa:

2. Chuyển nhượng BĐS chỉ có 1 nhà ở

Cha vợ,
mẹ vợ
với
con rể



3. TN do Nhà nước giao đất

Ông nội,
bà nội
với
cháu nội



Ông ngoại,
bà ngoại
với
cháu ngoại



Anh, chị
em ruột
với nhau



Thu nhập **MIỄN** chịu thuế

1. Chuyển nhượng BĐS giữa thân nhân

2. Chuyển nhượng BĐS chỉ có 1 nhà ở

3. TN do Nhà nước giao đất

Thu nhập từ chuyển nhượng nhà ở, quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất ở của cá nhân trong trường hợp cá nhân chỉ có một nhà ở, đất ở duy nhất.



Thu nhập **MIỄN** chịu thuế

1. Chuyển nhượng BĐS giữa thân nhân

2. Chuyển nhượng BĐS chỉ có 1 nhà ở

3. TN do Nhà nước giao đất

Thu nhập từ giá trị quyền sử dụng đất của cá nhân được Nhà nước giao đất.



Thu nhập **MIỄN** chịu thuế

4. TN từ nhận thừa kế, quà tặng là BĐS

5. TN của HGD từ sản xuất nông nghiệp

6. TN từ chuyển đổi đất nông nghiệp



Thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản giữa người thân trong gia đình

Thu nhập **MIỄN** chịu thuế

4. TN từ nhận thừa kế, quà tặng là BĐS

5. TN của HGD từ sản xuất nông nghiệp

6. TN từ chuyển đổi đất nông nghiệp

Thu nhập của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, làm muối, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản chưa qua chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường.



Thu nhập **MIỄN** chịu thuế

4. TN từ nhận thừa kế,
quà tặng là BĐS

5. TN của HGD từ sản
xuất nông nghiệp

6. TN từ chuyển đổi
đất nông nghiệp



Thu nhập từ chuyển đổi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao để sản xuất.

Thu nhập **MIỄN** chịu thuế

7. TN từ lãi tiền gửi tại tổ chức tín dụng

8. TN từ kiểu hối

9. TN từ tiền lương làm việc ban đêm



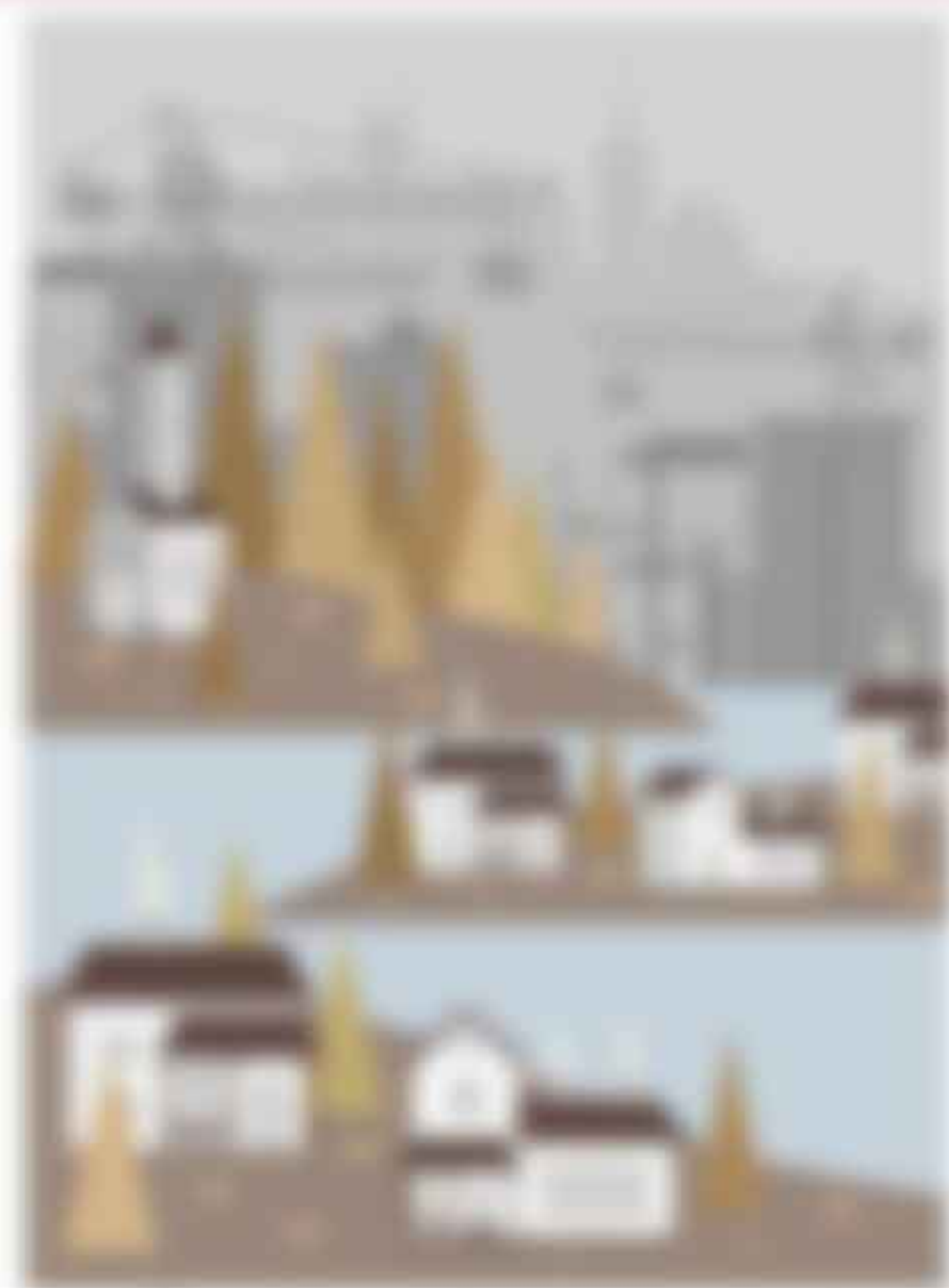
Thu nhập từ lãi tiền gửi tại tổ chức tín dụng, lãi từ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.

Thu nhập **MIỄN** chịu thuế

7. TN từ lãi tiền gửi
tại tổ chức tín dụng

8. TN từ kiều hối

9. TN từ tiền lương
làm việc ban đêm



Thu nhập từ kiều hối do người Việt Nam ở nước ngoài gửi về cho thân nhân.

Thu nhập **MIỄN** chịu thuế

7. TN từ lãi tiền gửi
tại tổ chức tín dụng

8. TN từ kiểu bài

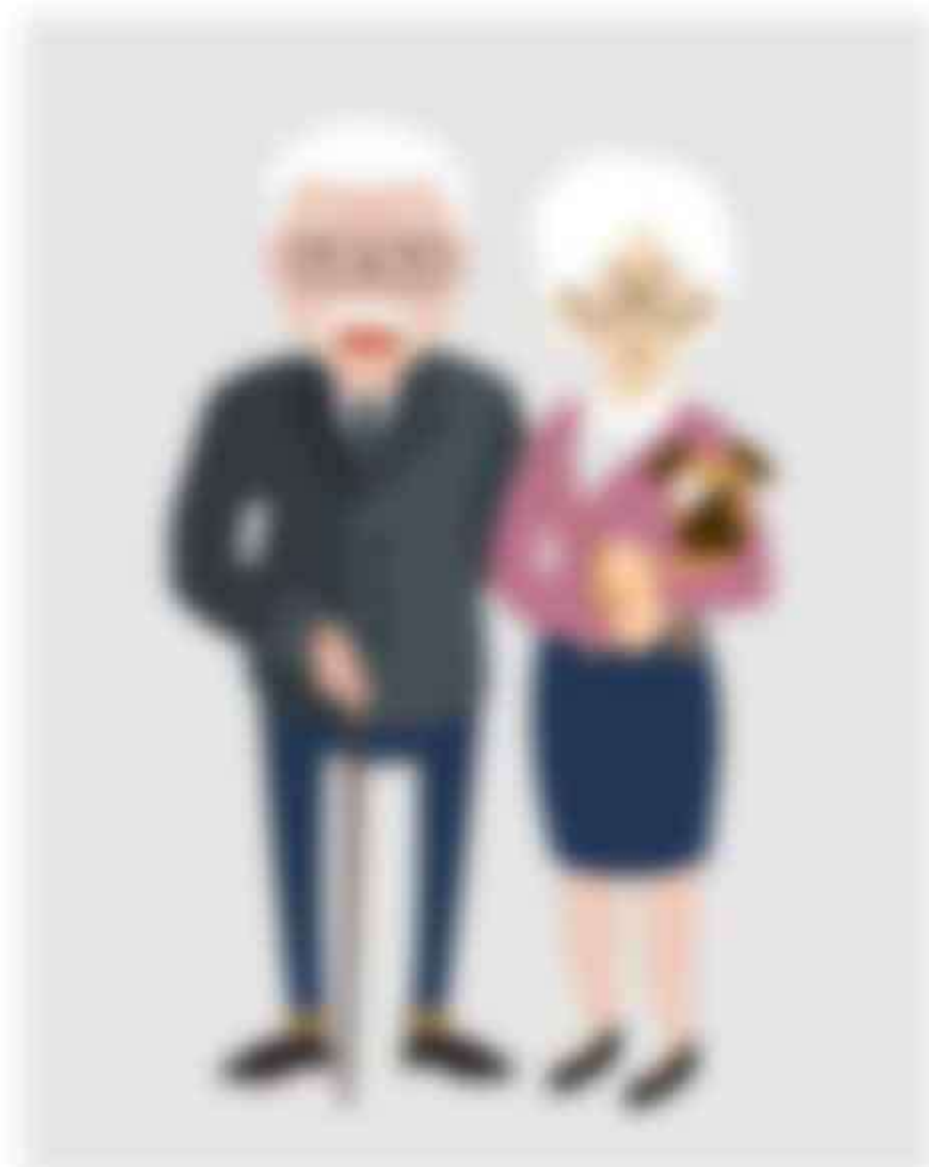
9. TN từ tiền lương
làm việc ban đêm



Phần tiền lương làm việc ban đêm, làm thêm giờ được trả cao hơn so với tiền lương làm việc ban ngày, làm trong giờ theo quy định của pháp luật.

Thu nhập **MIỄN** chịu thuế

10. TN từ lương hưu



11. TN từ học bổng



12. TN từ bồi thường
HĐ bảo hiểm nhân thọ



Tiền lương hưu do Quỹ bảo hiểm xã hội chi trả; tiền lương hưu do quỹ hưu trí tự nguyện chi trả hàng tháng.

Thu nhập **MIỄN** chịu thuế

10. TN từ lương hưu

11. TN từ học bổng

12. TN từ bồi thường
HD bảo hiểm nhân thọ



Thu nhập từ học bổng: từ ngân sách nhà nước; hoặc từ tổ chức trong nước và ngoài nước theo chương trình hỗ trợ khuyến học.

Thu nhập **MIỄN** chịu thuế

10. TN từ lương hưu

11. TN từ học bổng

12. TN từ bồi thường
NĐ bảo hiểm nhân thọ

Thu nhập từ bồi thường hợp đồng
bảo hiểm nhân thọ, phí nhân thọ,
tiền bồi thường tai nạn lao động,
khoản bồi thường nhà nước.



Thu nhập **MIỄN** chịu thuế

13. TN nhận được từ quỹ từ thiện

14. TN nhận được từ viện trợ nước ngoài



Thu nhập nhận được từ quỹ từ thiện được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hoặc công nhận, hoạt động vì mục đích từ thiện, nhân đạo, không nhằm mục đích lợi nhuận.

Thu nhập **MIỄN** chịu thuế

**13. TN nhận được từ
quỹ từ thiện**

**14. TN nhận được từ
viện trợ nước ngoài**

Thu nhập nhận được từ nguồn viện trợ nước ngoài vì mục đích từ thiện, nhân đạo dưới hình thức chính phủ và phi chính phủ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.



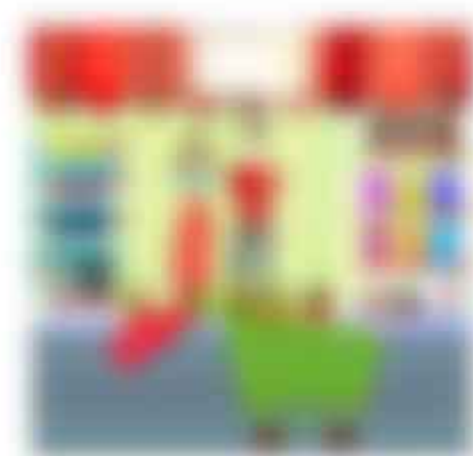
Điều 7: Kỳ tính thuế

Kỳ tính thuế



Cá nhân
cư trú

Theo năm (A)



TN từ KD



Tiền lương công

Theo từng lần
phát sinh TN (B)



Đầu tư vốn,
ch. nhượng vốn



Vietlott.
Trúng thưởng,
bán quyền



Nhượng quyền,
thừa kế



TN từ quà tặng

(A) & B



Chuyển nhượng chứng khoán

Kỳ tính thuế



Cá nhân
cư trú

Theo từng lần phát sinh
thu nhập áp dụng đối với
tất cả thu nhập chịu thuế.



Cá nhân
KHÔNG cư trú

Chương II: Căn cứ tính thuế đối với cá nhân cư trú

Mục 1: Xác định thu nhập chịu thuế & thu nhập tính thuế

Điều 10: Thu nhập chịu thuế từ kinh doanh

Thu nhập chịu thuế từ kinh doanh

$$\text{Thu nhập chịu thuế} = \text{Doanh thu} - \text{Chi phí hợp lý}$$

The diagram illustrates the calculation of taxable income from business operations. It consists of three blue rectangular boxes with white text, connected by mathematical symbols. The first box on the left contains the text 'Thu nhập chịu thuế'. To its right is an equals sign (=). The second box in the middle contains the text 'Doanh thu'. To its right is a minus sign (-). The third box on the right contains the text 'Chi phí hợp lý'.

Thu nhập chịu thuế từ kinh doanh

$$\text{Thu nhập chịu thuế} = \text{Doanh thu} - \text{Chi phí hợp lý}$$

Tiền bán hàng



Tiền gia công



Tiền hoa hồng



Tiền cung ứng hàng hóa, DV



Thời điểm xác định doanh thu là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa hoặc thời điểm lập hóa đơn.

Thu nhập chịu thuế từ kinh doanh

$$\text{Thu nhập chịu thuế} = \text{Doanh thu} - \text{Chi phí hợp lý}$$

Tiền lương công



Chi phí NVL



Chi phí khấu hao



Chi trả lãi vay



Việc xác định doanh thu, chi phí dựa trên cơ sở định mức, tiêu chuẩn, chế độ và chứng từ, sổ kế toán theo quy định của pháp luật.

Thu nhập chịu thuế từ kinh doanh

$$\text{Thu nhập chịu thuế} = \text{Doanh thu} - \text{Chi phí hợp lý}$$

Chi phí quản lý



Thuế, phí, lệ phí

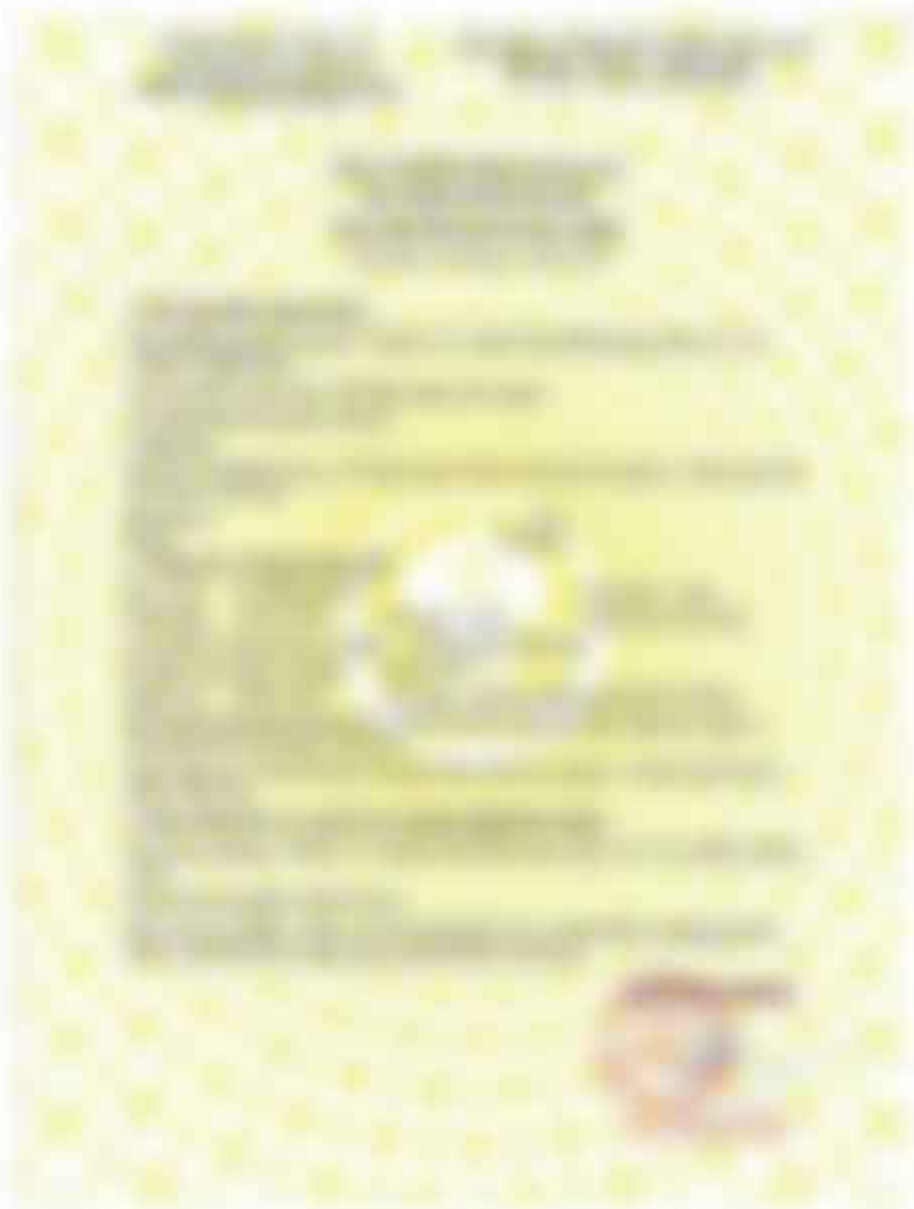


Các khoản chi khác



Việc xác định doanh thu, chi phí dựa trên cơ sở định mức, tiêu chuẩn, chế độ và chứng từ, sổ kế toán theo quy định của pháp luật.

Thu nhập chịu thuế từ kinh doanh



Đăng ký kinh doanh



Nhiều người tham gia

Nguyên tắc phân bổ:
Theo tỷ lệ góp vốn (A)



Theo thỏa thuận (B)



Tính bình quân nếu không thỏa mãn (A) & (B)

Thu nhập chịu thuế từ kinh doanh



Đối với cá nhân kinh doanh chưa tuân thủ đúng chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ sẽ không xác định được doanh thu, chi phí và thu nhập chịu thuế thì cơ quan thuế có thẩm quyền ấn định doanh thu, tỷ lệ thu nhập chịu thuế

Điều 11: Thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công

Thu nhập từ tiền lương, tiền công



Tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất tiền lương, tiền công;



Các khoản phụ cấp, trợ cấp
TRỪ [...]

Thu nhập từ tiền lương, tiền công

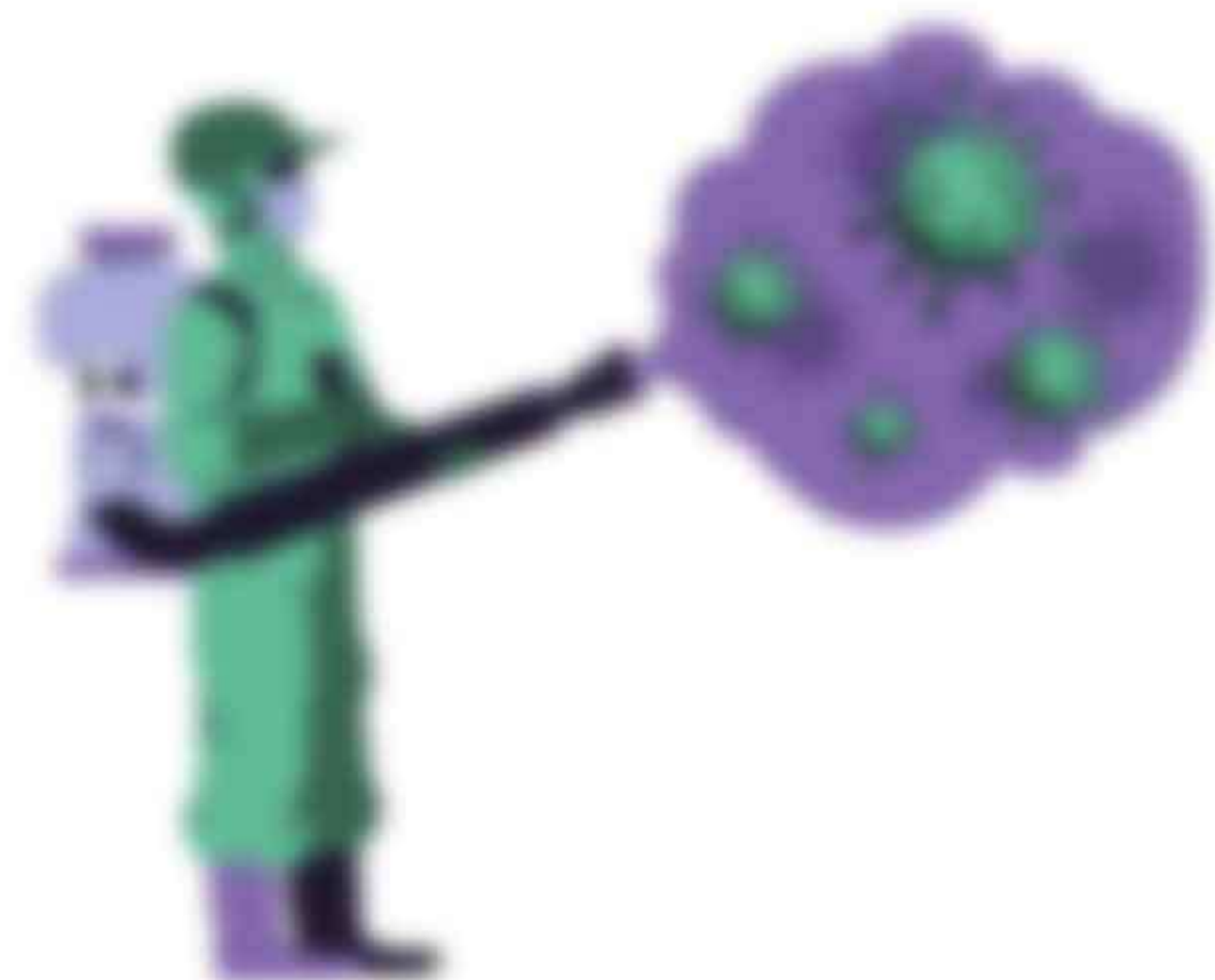
Các khoản phụ cấp **KHÔNG** phải nộp thuế



Ưu đãi người có công



Phụ cấp quốc phòng,
an ninh



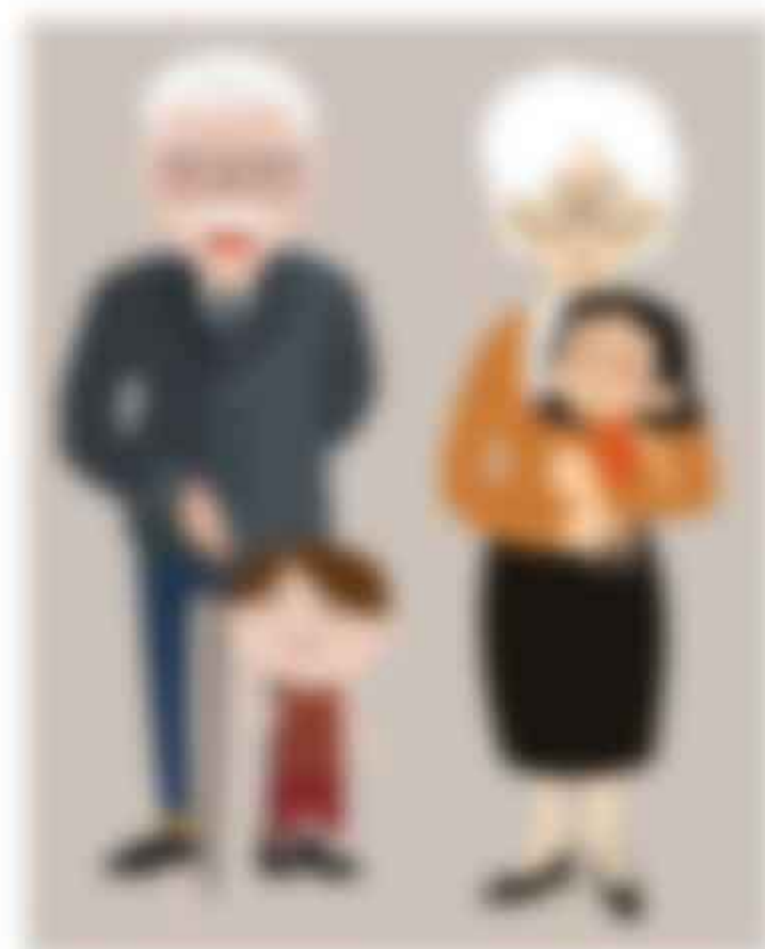
Phụ cấp độc hại,
nguy hiểm

Thu nhập từ tiền lương, tiền công

Các khoản phụ cấp **KHÔNG** phải nộp thuế



Trợ cấp tai nạn lao động,
bệnh nghề nghiệp.



Trợ cấp hưu trí
một lần BHXH



Trợ cấp thôi việc,
trợ cấp mất việc

Thu nhập từ tiền lương, tiền công



Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công là thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập cho đối tượng nộp thuế hoặc thời điểm đối tượng nộp thuế nhận được thu nhập.

Điều 12: Thu nhập chịu thuế từ đầu tư vốn

Thu nhập từ đầu tư vốn



Tiền lãi cho vay



Lợi tức cổ phần



Thu nhập từ đầu tư vốn dưới các hình thức khác, trừ trái phiếu Chính phủ

Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế từ đầu tư vốn là thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập cho đối tượng nộp thuế hoặc thời điểm đối tượng nộp thuế nhận được thu nhập.

**Điều 13: Thu nhập chịu thuế từ
chuyển nhượng vốn**

Thu nhập từ chuyển nhượng vốn



Chuyển nhượng vốn trong các tổ chức kinh tế;

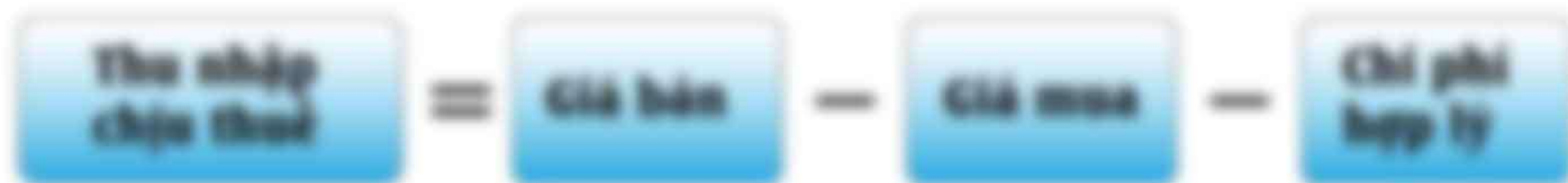


TN từ chuyển nhượng chứng khoán;

Trường hợp không xác định được giá mua và chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng chứng khoán thì thu nhập chịu thuế được xác định là giá bán chứng khoán.



TN từ chuyển nhượng vốn khác



**Điều 13: Thu nhập chịu thuế từ
chuyển nhượng bất động sản**

Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản



TN từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất



TN từ chuyển nhượng quyền sở hữu hoặc sử dụng nhà ở;



TN từ chuyển nhượng quyền thuê đất, quyền thuê mặt nước



Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản



Trường hợp không xác định được giá mua và chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng bất động sản thì thu nhập chịu thuế được xác định là giá chuyển nhượng bất động sản.

Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng bất động sản là thời điểm hợp đồng chuyển nhượng có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

Điều 15: Thu nhập chịu thuế từ trúng thưởng

Thu nhập từ trúng thưởng



Trúng thưởng
số số



Trúng thưởng
khuyến mại



Trúng thưởng
cá cược, casino

> 10 triệu

10 triệu

0 đồng

Thu nhập vượt

Miễn thuế

Thu nhập chịu thuế từ trúng thưởng là phần giá trị giải thưởng vượt trên 10 triệu đồng mà chủ tượng nộp thuế nhận được theo từng lần trúng thưởng.

Điều 16: Thu nhập chịu thuế từ bản quyền

Thu nhập chịu thuế từ bản quyền

> 10 triệu



Chuyển giao/chuyển quyền sử dụng các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ.



Thu nhập từ chuyển giao công nghệ

10 triệu

0 đồng

Thu nhập vượt

Miễn thuế

Thu nhập chịu thuế từ bản quyền là phần thu nhập vượt trên 10 triệu đồng mà đối tượng nộp thuế nhận được khi chuyển giao, chuyển quyền sử dụng các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ theo từng hợp đồng.

**Điều 17: Thu nhập chịu thuế từ
nhượng quyền thương mại**

Thu nhập từ nhượng quyền thương mại > 10 triệu



10 triệu

0 đồng

Phần vượt

Miễn thuế

Thu nhập chịu thuế từ nhượng quyền thương mại là phần thu nhập vượt trên 10 triệu đồng mà chủ nhượng quyền thuế nhận được theo từng hợp đồng nhượng quyền thương mại.

**Điều 18: Thu nhập chịu thuế từ
thừa kế, quà tặng**

Thu nhập từ thừa kế, quà tặng

> 10 triệu



Nhập thừa kế là chứng khoán



Phần vốn trong các tổ chức kinh tế, cơ sở NN



Nhà động sản

10 triệu

Thu nhập vượt

Miễn thuế

0 đồng

Thời điểm xác định

- Đối với thu nhập từ thừa kế là thời điểm di

tượng nộp thuế nhận được thừa kế

- Đối với thu nhập từ quà tặng là thời điểm tổ chức, cá nhân tặng cho đối

tượng nộp thuế hoặc thời điểm đối tượng nộp thuế nhận được thu nhập.

Điều 19: Giảm trừ gia cảnh

Giảm trừ gia cảnh

Giảm trừ gia cảnh là số tiền được trừ vào thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế đối với thu nhập từ kinh doanh, tiền lương, tiền công của đối tượng nộp thuế là cá nhân cư trú.



**11 triệu
đồng/tháng**

Đối tượng nộp thuế



Người phụ thuộc

Mỗi người phụ thuộc chỉ được tính giảm trừ một lần vào một đối tượng nộp thuế.

**4,4 triệu
đồng/tháng**

Điều 20: Giảm trừ đối với các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo

Giám trừ các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo



- Khoản đóng góp vào tổ chức, cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người tàn tật, người già không nơi nương tựa
- Khoản đóng góp vào quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học.

Tổ chức, cơ sở ở trên phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hoặc công nhận, hoạt động vì mục đích từ thiện, nhân đạo, khuyến học, không nhằm mục đích lợi nhuận.



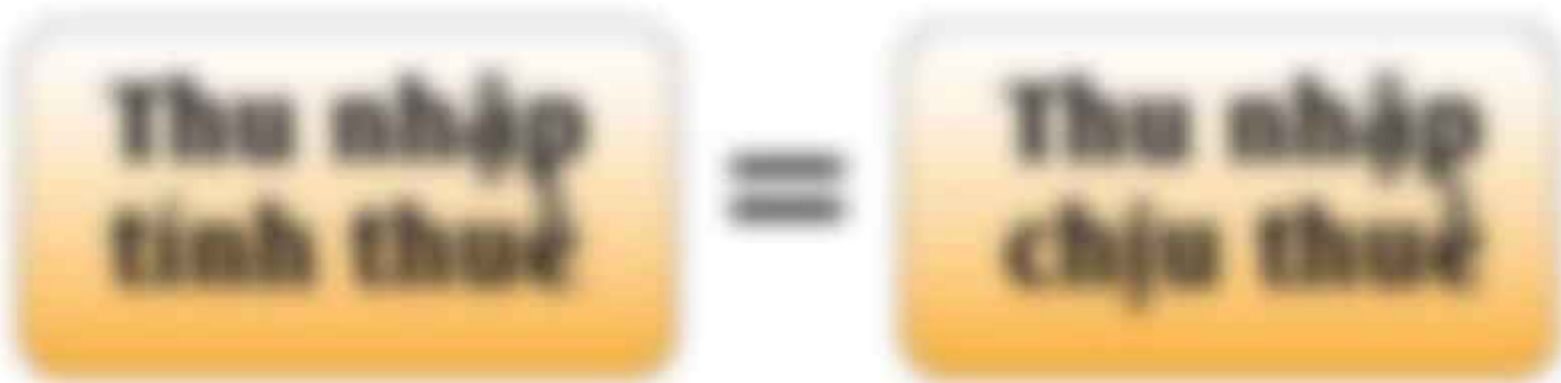
Điều 21: Thu nhập tính thuế

Thu nhập tính thuế

Thu nhập từ kinh doanh, tiền lương, tiền công



Thu nhập từ đầu tư vốn, chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng BĐS, trúng thưởng, tiền bán quyền, nhượng quyền thương mại, nhận thừa kế, quà tặng

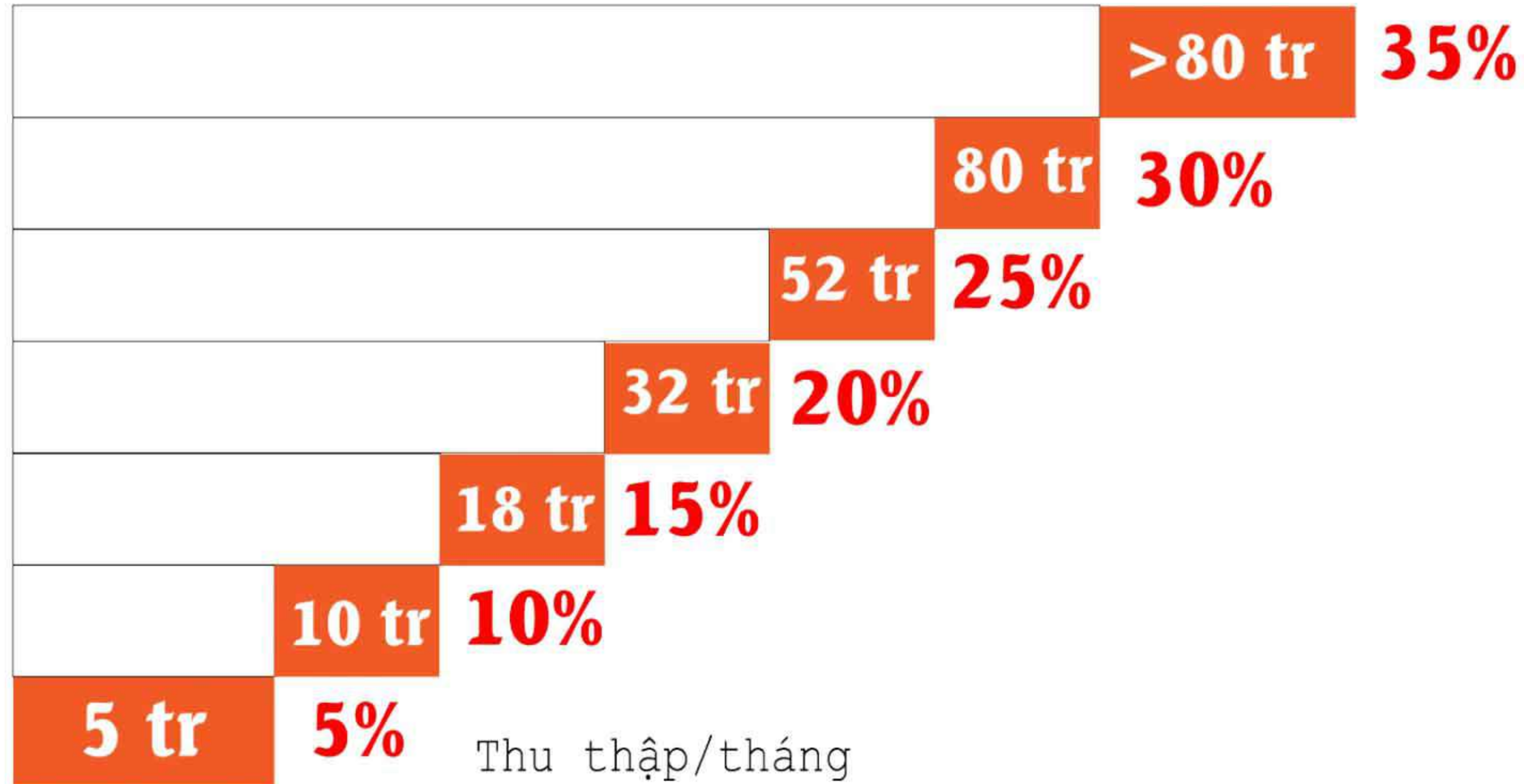


Mục 2: Biểu thuế

Điều 22: Biểu thuế lũy tiến từng phần

Biểu thuế lũy tiến từng phần

Biểu thuế lũy tiến từng phần áp dụng đối với thu nhập tính thuế từ tiền lương, tiền công; thu nhập từ kinh doanh



Điều 23: Biểu thuế toàn phần

Biểu thuế toàn phần



Đầu tư vốn



Bán quyền, nhượng quyền



Chuyển nhượng vốn



Trúng thưởng



Thừa kế, quà tặng



**Chuyển nhượng
chứng khoán**

Biểu thuế toàn phần



25%

**Chuyển nhượng
bất động sản**

$$= \boxed{\text{Giá bán}} - \boxed{\text{Giá mua}}$$



2%

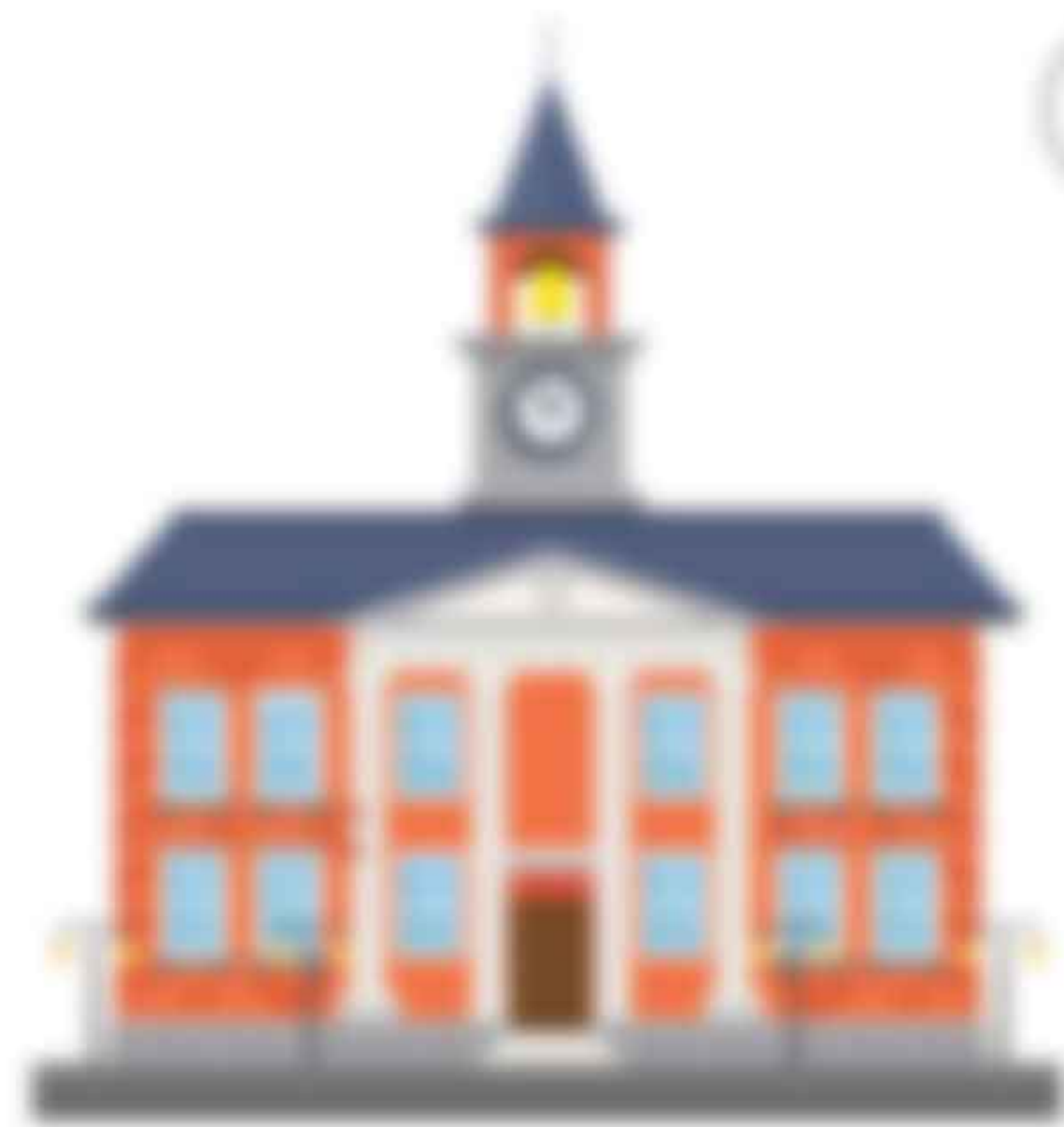
**Chuyển nhượng
bất động sản**

$$= \boxed{\text{Giá chuyển nhượng
bất động sản}}$$

Trường hợp không xác định được giá mua và chi phí liên quan

Điều 24: Trách nhiệm của tổ chức cá nhân & người nộp thuế

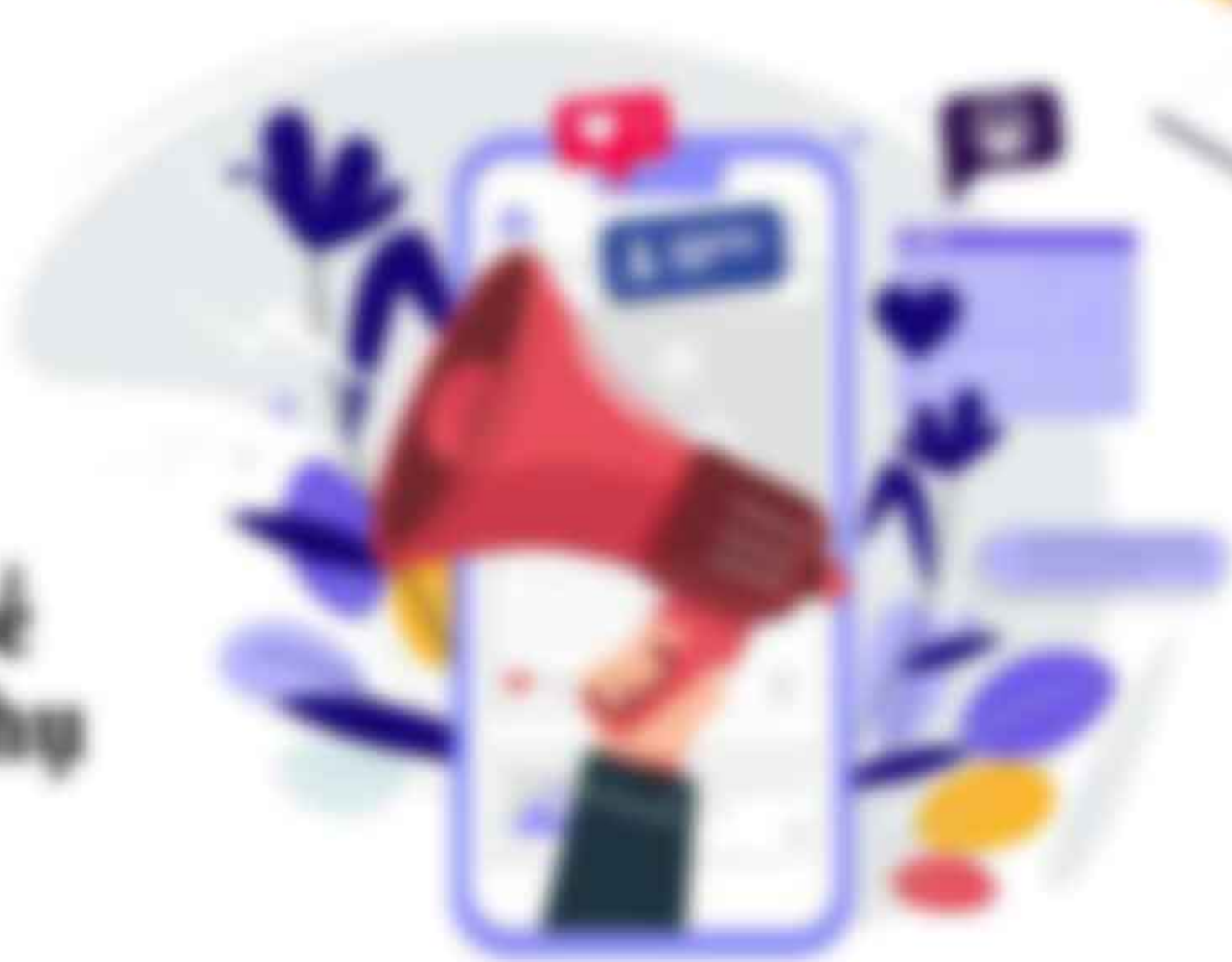
Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trả thu nhập



1 Kế khai, khấu trừ, nộp thuế vào ngân sách nhà nước và quyết toán thuế



2 Cung cấp thông tin về thu nhập và người phụ thuộc của đối tượng nộp thuế



Trách nhiệm của đối tượng nộp thuế



Kê khai thuế



Khấu trừ thuế



Nộp thuế



Quyết toán thuế

Chương 3: Căn cứ tính thuế đối với cá nhân không cư trú

Điều 25: Thuế đối với thu nhập từ kinh doanh

Thuế đối với thu nhập từ kinh doanh



Điều 26: Thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công

Thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công

Thuế thu nhập cá nhân

=

Thu nhập chịu thuế

×

Thuế suất 20%

Tổng số tiền lương, tiền công mà cá nhân không cư trú nhận được do thực hiện công việc tại Việt Nam, không phân biệt nơi trả thu nhập.

Điều 27: Thuế đối với thu nhập từ đầu tư vốn

Thuế đối với thu nhập từ đầu tư vốn

Thuế thu nhập cá nhân

=

Tổng số tiền nhận được

×

Thuế suất 5%

Tổng số tiền mà cá nhân không cư trú nhận được từ việc đầu tư vốn vào tổ chức, cá nhân tại Việt Nam

Điều 28: Thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn

Thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn

Thuế thu nhập cá nhân

=

Tổng số tiền nhận được

×

Thuế suất 0.1%

Tổng số tiền mà cá nhân không có trừ nhận được từ việc chuyển nhượng phần vốn tại tổ chức, cá nhân Việt Nam.

Điều 29: Thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản

Thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản

Thuế thu nhập cá nhân

=

Giá chuyển nhượng BĐS

×

Thuế suất 2%

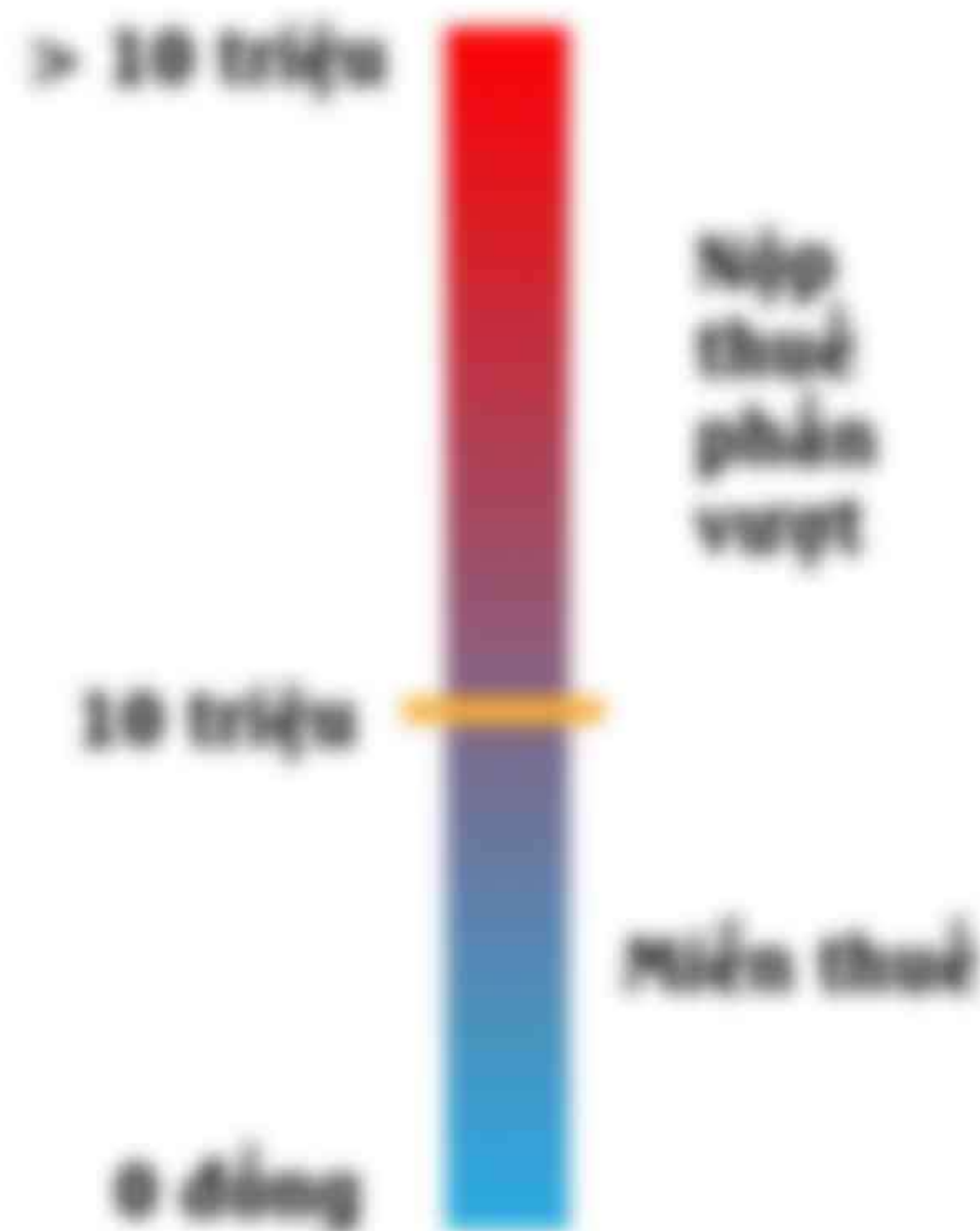
Thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản tại Việt Nam của cá nhân không cư trú được xác định bằng giá chuyển nhượng bất động sản.

Điều 30: Thuế đối với thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại

Thuế đv thu nhập từ bán quyền, nhượng quyền thương mại

$$\text{Thuế TNCN} = \underbrace{\text{Thu nhập > 10 triệu đồng}} \times \text{Thuế suất 5\%}$$

Phần thu nhập vượt trên 10 triệu đồng theo từng hợp đồng chuyển giao, chuyển quyền sử dụng các đầu tượng quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ tại Việt Nam

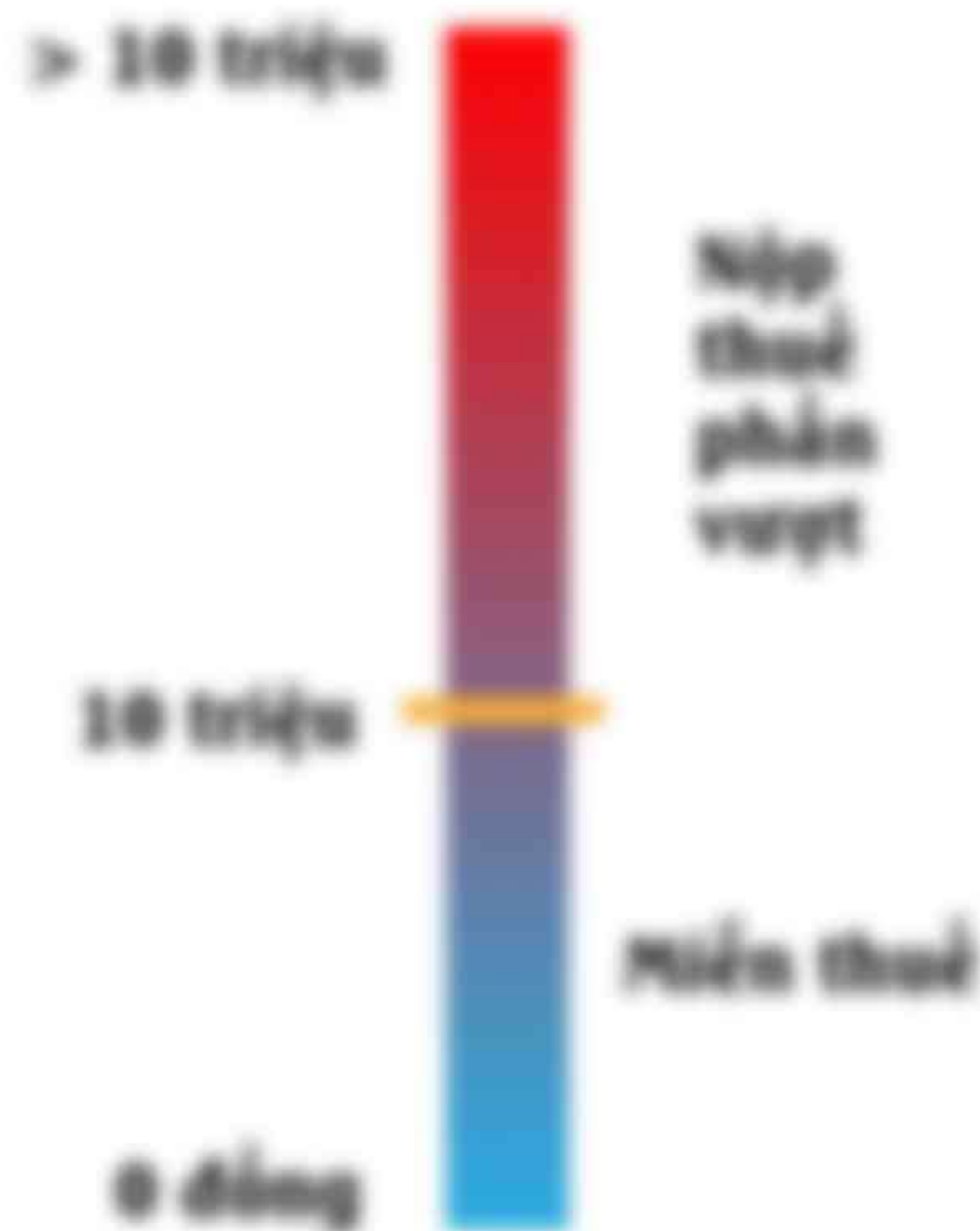


**Điều 30: Thuế đối với thu nhập từ trúng
thưởng, thừa kế, quà tặng**

Thuế đv TN từ trúng thưởng, thừa kế, quà tặng

$$\text{Thuế TNCN} = \underbrace{\text{Thu nhập > 10 triệu đồng}} \times \text{Thuế suất 10\%}$$

Phần giá trị giải thưởng vượt trên 10 triệu đồng theo từng lần trúng thưởng tại Việt Nam
Phần giá trị tài sản thừa kế, quà tặng vượt trên 10 triệu đồng theo từng lần phát sinh thu nhập mà cá nhân không cư trú nhận được tại Việt Nam.



Cảm ơn!